

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1323/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1983

Địa chỉ: 13/10A đường x, khu phố y, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Chí T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/5/2022, bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Chí T thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Chí T thuận tình ly hôn (Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số một, do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/5/2010).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Chí T có 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/01/2011. Hai bên thống nhất sau khi ly hôn, bà Vân trực tiếp nuôi dưỡng con tên Lê Nguyễn Bảo N.

Ông Trung cấp dưỡng nuôi con Lê Nguyễn Bảo N mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi Lê Nguyễn Bảo N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Chí T có nghĩa vụ nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/5/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Chí T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/01/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Lê Chí T cấp dưỡng nuôi con Lê Nguyễn Bảo N mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, thực hiện từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi Lê Nguyễn Bảo N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ khi bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Chí T phải nộp lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ

phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0027193 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- UBND phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Quốc Lưu